**NỘI DUNG BÀI HỌC SINH 9- CHỦ ĐỀ 4 – TUẦN 7,8**

**NỘI DUNG 1:**

**Để chuẩn bị nội dung cho chuyên đề tìm hiểu về các biện pháp phòng chống dịch bệnh Covid 19 các em cần chuẩn bị những nội dung sau:**

1. **Chia lớp thành 5 đến 6 nhóm và phân công công việc cho các thành viên trong nhóm**
2. **Tiến hành tìm kiếm thông tin và thu thập trên mạng internet ở các trang web tin cậy (thông tin chính xác, rõ ràng)**
3. **Tổng hợp kiến thức và thông tin thu thập được và chuyển về cho các thành viên trong nhóm để thống nhất chung**
4. **Báo cáo sản phẩm của nhóm trên lớp cho giáo viên bộ môn và cả lớp**
5. **Đánh giá và cho điểm lẫn nhau giữa cac nhóm**

**I.THỜI GIAN- ĐỊA ĐIỂM:**

1. **Thời gian:** Từ ngày 25🡪 29/10/2021 trong các tiết học môn Sinh tuần 8.
2. **Hình thức thực hiện:** Trực tuyến trên phần mềm Zoom.
3. **Địa điểm:** Tại nhà.

**II.TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

1. **Xây dựng kế hoạch:**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| **Tuần 5** | **Tuần 6** | **Tuần 7** | **Tuần 8** |
| Lập kế hoạch chuyên đề, trình ban lãnh đạo nhà trường ký duyệt. | Triển khai nội dung chuyên đề đến các em học sinh khối 7,8,9. | Hướng dẫn, theo dõi, kiểm tra tiến độ thực hiện chuyên đề của các nhóm. | Thực hiện báo cáo chuyên đề theo lớp |

1. **Phân công nhiệm vụ cho học sinh:**

- Mỗi lớp chia thành 5 nhóm ( 1 nhóm có 6 HS)

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
| Hướng dẫn thực hiện | Nhóm 1-2 | Nhóm 3-4 | Nhóm 5 |
| Nội dung thực hiện | 1. Tìm hiểu về nguyên nhân,tác hại của dịch bệnh covid-19 | 2. Tìm hiểu về cách điều trị bệnh covid-19 tại nhà. | 3. Tuyên truyền các biện pháp phòng chống dịch bệnh covid-19 |
| Sản phẩm  ( thực hiện 1 trong các sản phẩm ) | * Bài powerpoint * Đoạn Video | - Bài powerpoint  - Đoạn Video | - Bài powerpoint  - Đoạn Video  - Vẽ tranh, poster |

**PHIẾU ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CHUYÊN ĐỀ**

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| Tiêu chí | Mức 3  ( 9-10 đ) | Mức 2  ( 7- 8đ) | Mức 1  ( 5-6 đ) | Điểm | | | | | |
| N1 | N2 | N3 | N4 | N5 |  |
| Sản phẩm | Thiết kế logic, đẹp, sáng tạo | Sản phẩm thiết kế logic | Sản phẩm thiết kế chưa đẹp, chưa logic |  |  |  |  |  |  |
| Thuyết trình | Thuyết trình gọn nhưng logic, hấp dẫn | Thuyết trình rõ ràng | Thuyết trình dài dòng, khó hiểu |  |  |  |  |  |  |
| Làm việc nhóm | Các HS trong nhóm đều tham gia, phân công hợp lý, có kết quả sản phẩm tốt | Các HS trong nhóm đều tham gia, phân công hợp lý | Phân công nhiệm vụ chưa hợp lý |  |  |  |  |  |  |
| Tổng điểm |  | | | |  |  |  |  |  |

**NỘI DUNG 2**

**Đọc thông tin trong sách giáo khoa nội dung bài học 11,12,13**

**Trả lời các câu hỏi sau:**

1. Phân biệt được qúa trình phát sinh giao tử đực và giao tử cái.

2. Xác định ý nghĩa của quá trình giảm phân và thụ tinh về mặt di truyền và biến dị.

3. Giải thích được cơ chế xác định NST giới tính và tỉ lệ đực: cái ở mỗi loài là 1:1, cơ chế sinh con trai, gái.

4. Hiểu được các yếu tố của môi trường trong và ngoài ảnh hưởng đến sự phân hóa giới tính.

5. Hiểu được thí nghiệm của Moocgan và nhận xét được kết quả thí nghiệm đó .

Trình bày được ý nghĩa thực tiễn của di truyền liên kết, nhất là trong quá trình chọn giống.

**Trong quá trình tìm hiểu câu trả lời hs ghi lại các câu hỏi thắc mắc để giáo viên sẽ giải đáp trong tiết học online.**

**Lấy nội dung bài ghi file word trên trang web trường và ghi vào tập.**

**Làm bài tập luyện tập.**

**BÀI GHI SINH HỌC 9 - CHỦ ĐỀ 4**

**PHẦN 1 PHÁT SINH GIAO TỬ VÀ THỤ TINH**

**I/ Sự phát sinh giao tử :**

*1. Quá trình phát sinh giao tử đực (tinh trùng) ở động vật :*

Tế bào mầm (2n) np 🡪 Tinh nguyên bào (2n) 🡪Tinh bào bậc I (2n)gp1🡪 2 tinh bào bậc II(n)gp2🡪 4 tế bào con (n)🡪4 tinh trùng (n)

*2.Quá trình phát sinh giao tử cái (trứng) ở động vật :*

Tế bào mầm (2n)np🡪 Noãn nguyên bào (2n)🡪 Noãn bào bậc I (2n)gp1🡪Thể cực thứ I(n)

Noãn bào bậc II(n)gp2🡪Thể cực thứ II (n) + Trứng (n)

**II/ Thụ tinh :**

* Là sự tổ hợp ngẫu nhiên giữa 1 giao tử đực và 1 giao tử cái tạo thành hợp tử
* Thực chất của sự thụ tinh là *sự kết hợp 2 bộ nhân đơn bội hay tổ hợp 2 bộ NST của 2 giao tử đực và cái*, tạo thành bộ nhân lưỡng bội ở hợp tử .

**III/ Ý nghĩa của giảm phân và thụ tinh :**

* Giảm phân tạo ra giao tử mang bộ NST đơn bội (n).
* Thụ tinh khôi phục bộ NST lưỡng bội (2n) ở hợp tử. Qua nguyên phân sẽ tạo tế bào cơ thể mang bộ NST (2n)
* Sự phối hợp 3 quá trình nguyên phân, giảm phân và thụ tinh giúp duy trì ổn định bộ NST đặc trưng của những loài sinh sản hữu tính qua các thế hệ cơ thể.
* Giảm phân còn tạo ra các loại giao tử khác nhau về nguồn gốc NST. Qua thụ tinh sẽ tạo ra các hợp tử mang những tổ hợp NST khác nhau làm xuất hiện các biến dị tổ hợp là nguồn nguyên liệu cho tiến hoá và chọn giống .

**PHẦN 2: CƠ CHẾ XÁC ĐỊNH GIỚI TÍNH**

**I/ Nhiễm sắc thể giới tính :**

- Trong các tế bào lưỡng bội (2n):

+ Có các cặp NST thường.

+ 1 cặp NST giới tính kí hiệu XX (tương đồng) và XY (không tương đồng).

- ở người và động vật có vú, ruồi giấm .... XX ở giống cái, XY ở giống đực.

- Ở chim, ếch nhái, bò sát, bướm.... XX ở giống đực còn XY ở giống cái.

- NST giới tính mang gen quy định tính đực, cái và tính trạng liên quan tới giới tính

**II. Cơ chế xác định giới tính**

Đa số các loài, giới tính được xác định trong thụ tinh.

- Sự phân li và tổ hợp cặp NST giới tính trong giảm phân và thụ tinh là cơ chế xác định giới tính ở sinh vật. VD: cơ chế xác định giới tính ở người.

- Tỉ lệ nam: nữ xấp xỉ 1:1 do số lượng giao tử (tinh trùng mang X) và giao tử (mang Y) tương đương nhau, quá trình thụ tinh của 2 loại giao tử này với trứng X sẽ tạo ra 2 loại tổ hợp XX và XY ngang nhau

**III. Các yếu tố ảnh hưởng tới sự phân hoá giới tính**

+ Hoocmôn sinh dục:

- Rối loạn tiết hoocmon sinh dục sẽ làm biến đổi giới tính tuy nhiên cặp NST giới tính không đổi.

VD: Dùng Metyl testosteeron tác động vào cá vàng cái🡪 cá vàng đực. Tác động vào trứng cá rô phi mới nở dẫn tới 90% phát triển thành cá rô phi đực (cho nhiều thịt).

+ Nhiệt độ, ánh sáng ... cũng làm biến đổi giới tính VD SGK.

- Ý nghĩa: giúp con người chủ động điều chỉnh tỉ lệ đực, cái phù hợp với mục đích sản xuất.

**PHẦN 3: DI TRUYỀN LIÊN KẾT**

I. Thí nghiệm của Moocgan

1. Đối tượng thí nghiệm: Ruồi giấm

2. Nội dung t/nghiệm:

- Pt/c: Thân xám. cánh dài x Thân đen, cánh cụt

F1: 100% thân xám, cánh dài

- Lai phân tích:

Con đực F1: Xám, dài x Con cái: đen, cụt

FB: 1 xám, dài : 1 đen, cụt

3. Giải thích:

- F1 được toàn ruồi xám, dài chứng tỏ tính trạng thân xám là trội so với thân đen, cánh dài là trội so với cánh cụt. Nên F1 dị hợp tử về 2 cặp gen (BbVv)

- Lai ruồi đực F1 thân xám cánh dài với ruồi cái thân đen, cánh cụt. Ruồi cái đồng hợp lặn về 2 cặp gen nên chỉ cho 1 loại giao tử bv, không quyết định kiểu hình của FB. Kiểu hình của FB do giao tử của ruồi đực quyết định. FB có 2 kiểu hình nên ruồi đực F1 cho 2 loại giao tử: BV và bv khác với phân li độc lập cho 4 loại giao tử, chứng tỏ trong giảm phân2 gen B và V luôn phân li cùng nhau, b và v cũng vậy ⭢ Gen B và V, b và v cùng nằm trên 1 NST.

- Kết luận: Di truyền liên kết là hiện tượng một nhóm tính trạng được di truyền cùng nhau được quy định bởi các gen nằm trên cùng 1 NST, cùng phân li trong quá trình phân bào.

4. Cơ sở tế bào học của di truyền liên kết.

P: Xám. dài x Đen, cụt

BV bv

BV bv

GP: BV bv

F1: BV

bv

( 100% xám, dài)

Đực F1: Xám, dài x Cái đen, cụt

BV/bv bv

GF1: BV ;bv bv

FB: 1 BV 1bv

bv bv

1 xám, dài:1 đen, cụt

II. Ý nghĩa của di truyền liên kết (10p)

- Trong tế bào, số lượng gen nhiều hơn NST rất nhiều nên một NST phải mang nhiều gen, tạo thành nhóm gen liên kết (số nhóm gen liên kết bằng số NST đơn bội).

- Di truyền liên kết đảm bảo sự di truyền bền vững của từng nhóm tính trạng được quy định bởi các gen trên 1 NST. Trong chọn giống người ta có thể chọn những nhóm tính trạng tốt luôn đi kèm với nhau

--------------------------------//----------------------------------

**BÀI TẬP LUYỆN TẬP - CHỦ ĐỀ 4**

**Câu 1:** Giao tử là:

   A. Tế bào dinh dục đơn bội.

  B. Được tạo từ sự giảm phân của tế bào sinh dục thời kì chín.

   C. Có khả năng tạo thụ tinh tạo ra hợp tử.

   D. Cả A, B, C đều đúng.

**Câu 2:** Trong quá trình tạo giao tử ở động vật, hoạt động của các tế bào mầm là:

   A. Nguyên phân

   B. Giảm phân

   C. Thụ tinh

   D. Nguyên phân và giảm phân

**Câu 3:** Từ một noãn bào bậc I trải qua quá trình giảm phân sẽ tạo ra được:

   A. 1 trứng và 3 thể cực

B. 4 trứng

   C. 3 trứng và 1 thể cực

   D. 4 thể cực

**Câu 4:** Loài dưới đây có cặp NST giới tính XX ở giới đực và XY ở giới cái là:

   A. Ruồi giấm

   B. Các động vật thuộc lớp Chim

   C. Người

   D. Động vật có vú

**Câu 5:** Một loài có bộ NST 2n=36. Một tế bào sinh dục chín của thể đột biến một nhiễm kép tiến hành giảm phân. Nếu các cặp NST đều phân li bình thường thì ở kì sau của giảm phân I, trong tế bào có bao nhiêu NST?

   A. 38.

   B. 34.

   C. 68.

   D. 36.

**Câu 6:** Đặc điểm của NST giới tính là:

   A. Có nhiều cặp trong tế bào sinh dưỡng

B. Có 1 đến 2 cặp trong tế bào

   C. Số cặp trong tế bào thay đổi tuỳ loài

   D. Luôn chỉ có một cặp trong tế bào sinh dưỡng

**Câu 7:** Trong tế bào sinh dưỡng của mỗi loài sinh vật thì NST giới tính:

   A. Luôn luôn là một cặp tương đồng.

   B. Luôn luôn là một cặp không tương đồng.

   C. Là một cặp tương đồng hay không tương đồng tuỳ thuộc vào giới tính.

   D. Có nhiều cặp, đều không tương đồng.

**Câu 8:** Trong tế bào 2n ở người, kí hiệu của cặp NST giới tính là:

   A. XX ở nữ và XY ở nam.

B. XX ở nam và XY ở nữ.

   C. ở nữ và nam đều có cặp tương đồng XX .

   D. ở nữ và nam đều có cặp không tương đồng XY.

**Câu 9:** Điểm giống nhau về NST giới tính ở tất cả các loài sinh vật phân tính là:

   A. Luôn giống nhau giữa cá thể đực và cá thể cái.

   B. Đều chỉ có một cặp trong tế bào 2n.

   C. Đều là cặp XX ở giới cái .

   D. Đều là cặp XY ở giới đực.

Câu 10: Hình thức sinh sản tạo ra nhiều biến dị tổ hợp ở sinh vật là: (MĐ1)

A. Sinh sản vô tính B. Sinh sản hữu tính

C. Sinh sản sinh d­ưỡng D. Sinh sản nảy chồi